



SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BÌNH ĐỊNH
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
CENTER FOR ENVIRONMENTAL AND NATURAL RESOURCES MONITORING
ĐC: 174 - Trần Hưng Đạo, TP Quy Nhơn - ĐT: 0256. 6544468 - 6533368

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT



VILAS 671

Ký hiệu: 2132/17780823

Ngày: 08/9/2023

Trang: 1/3

I. Đơn vị yêu cầu: Công ty TNHH đầu tư hạ tầng KCN Nhơn Hòa

II. Loại mẫu : Nước thải – mẫu tổ hợp

Lượng mẫu: 5 lít

III. Thời gian:

Lấy mẫu: 25/8/2023 **Thử nghiệm:** 25/8/2023-08/9/2023 **Lưu mẫu:** 07 ngày

IV. Địa điểm lấy mẫu: Công ty TNHH đầu tư hạ tầng KCN Nhơn Hòa, khu vực Tân Hòa, phường Nhơn Hòa, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định

V. Thông tin mẫu phân tích:

Vị trí lấy mẫu:

Mô tả mẫu: Ký hiệu mẫu:

- Đầu ra của HTXL nước thải, công suất 2000m³/ ngày đêm, Nước hơi vàng
tọa độ: 1530790; 588098

NT2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm
1	Nhiệt độ ^(a)	°C	SMEWW 2550B:2017	29,2
2	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	7,06
3	Độ màu ^(a)	Pt - Co	TCVN 6185:2015	34
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^{(a)(b)}	mg/L	TCVN 6625:2000	<5,0 (LOQ=5,0)
5	Nhu cầu oxy sinh hóa BOD ₅ ^(a)	mg/L	SMEWW 5210D:2017	21
6	Nhu cầu oxy hóa học COD ^(a)	mg/L	SMEWW 5220.C:2017	32
7	Sắt (Fe) ^(a)	mg/L	SMEWW 3500-Fe.B:2017	0,10
8	Sunfua (S ²⁻) ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 S ²⁻ -B&D:2017	KPH (MDL=0,04)
9	Florua (F ⁻) ^(a)	mg/L	SMEWW 4500.FB&D: 2017	1,68
10	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 5988: 1995	1,12
11	Tổng Nito (T-N) ^{(a)(b)}	mg/L	TCVN 6638:2000	11,8
12	Tổng Phốt pho (T-P) ^(a)	mg/L	SMEWW 4500.P.B&D: 2017	1,45
13	Clo dư ^(a)	mg/L	TCVN 6225-3:1996	KPH (MDL=0,2)
14	Clorua (Cl ⁻) ^{(a)(b)}	mg/L	TCVN 6194:1996	170
15	Coliform ^(a)	MPN/100mL	TCVN 6187-2:1996	200
16	Cyanua (CN ⁻) ^(c)	mg/L	TCVN 6181:1996	KPH (MDL=0,001)
17	Mangan (Mn) ^(c)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH



SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BÌNH ĐỊNH
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
CENTER FOR ENVIRONMENTAL AND NATURAL RESOURCES MONITORING
ĐC: 174 - Trần Hưng Đạo, TP Quy Nhơn - ĐT: 0256. 6544468 - 6533368

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ký hiệu: 2132/17780823

Ngày: 08/9/2023

Trang: 2/3

				(MDL=0,02)
18	Đồng (Cu) ^(c)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH (MDL=0,05)
19	Kẽm (Zn) ^(c)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH (MDL=0,02)
20	Niken (Ni) ^(c)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH (MDL=0,03)
21	Chì (Pb) ^(c)	µg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH (MDL=1,7)
22	Cadimi (Cd) ^(c)	µg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH (MDL=0,5)
23	Asen (As) ^(c)	µg/L	SMEWW 3114B:2017	KPH (MDL=2)
24	Thủy ngân (Hg) ^(c)	µg/L	SMEWW 3112B:2017	KPH (MDL=0,25)
25	Crom (VI) ^(c)	µg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2017	KPH (MDL=2)
26	Crom (III) ^(c)	µg/L	SMEWW 3113B:2017 + SMEWW 3500-Cr.B:2017	KPH (MDL=3)
27	Tổng dầu, mỡ khoáng ^(c)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	KPH (MDL=0,3)
28	Tổng Phenol ^(c)	µg/L	SMEWW 5530.B&D:2017	KPH (MDL=1)
29	Tổng hoạt độ phóng xạ α ^(c)	Bq/L	TCVN 6053:2011	KPH (MDL=0,02)
30	Tổng hoạt độ phóng xạ β ^(c)	Bq/L	TCVN 6219:2011	KPH (MDL=0,3)
31	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật họ clo hữu cơ ^(c)	µg/L	US EPA Method 3510 + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8270D	KPH (MDL=0,01)
32	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ ^(c)	µg/L	US EPA Method 3510 + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8270D	KPH (MDL=0,01)
33	Tổng PCB ^(c)	µg/L	US EPA Method 3510 C + US EPA Method 3630 C + US EPA Method 8082 A	KPH (MDL=0,002)

ĐIỂM
RUNG T
QUAN TR
ÀI NGUY
MÔI TR



SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BÌNH ĐỊNH
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
CENTER FOR ENVIRONMENTAL AND NATURAL RESOURCES MONITORING
ĐC: 174 - Trần Hưng Đạo, TP Quy Nhơn - ĐT: 0256. 6544468 - 6533368

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ký hiệu: 2132/17780823

Ngày: 08/9/2023

Trang: 3/3

VI. Ghi chú:

- Không được trích sao nội dung của phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường;
- Kết quả trong phiếu này chỉ có giá trị cho mẫu thử nghiệm;
- Mục I, II, IV, V được ghi theo đúng yêu cầu của đơn vị;
- (a): Các chỉ tiêu được chứng nhận Vimcerts 014
- (b): Các chỉ tiêu được chứng nhận VILAS 671
- (d): Các chỉ tiêu theo yêu cầu khách hàng
- (KPH): Không phát hiện –(MDL): Giới hạn phát hiện –(LOQ): Giới hạn định lượng
- (c): Các chỉ tiêu nhà thầu phụ

Nơi nhận:

- Đơn vị yêu cầu;
- Lưu VT, PTTN.



GIÁM ĐỐC

Trần Đoàn Khoa Tiến

